

Bản tin chứng khoán

Trong số này

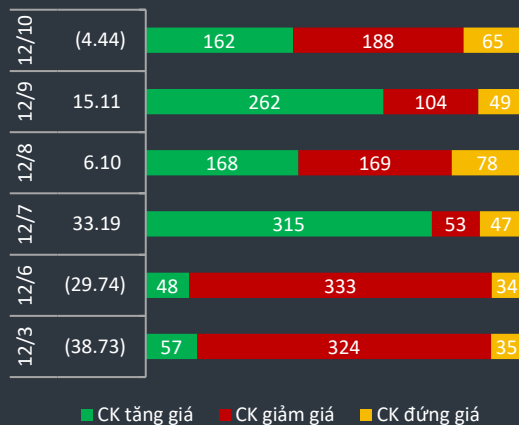
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Sau 3 phiên hồi phục thị trường đã có sự điều chỉnh nhẹ vào cuối tuần với mức giảm nhẹ chỉ 4.4 điểm. Phiên sáng thị trường vẫn duy trì mức xanh tốt nhưng áp lực bán gia tăng dần vào cuối phiên đã làm đảo chiều chỉ số. Có đến 275 mã giảm so với chỉ 169 mã xanh trên sàn HOSE.

Nhóm thép, chứng khoán điều chỉnh tương đối so với các ngành khác. HPG cuối phiên mất 1.3%, NKG, HSG giảm mạnh hơn hơn -2.5%. 11 tháng, xuất khẩu sắt thép cán mốc 10,8 tỷ USD với mức tăng trưởng gần 130% so với cùng kỳ 2020. Riêng tập đoàn HPG trong 11 tháng qua xuất khẩu 914.000 tấn thép xây dựng thành phẩm, tăng 90% so với cùng kỳ. Riêng tháng 11, Hoà Phát xuất hơn 100.000 tấn, gấp 2,3 lần cùng kỳ 2020. Tập đoàn này dự kiến sản lượng xuất khẩu thép xây dựng thành phẩm năm 2021 vượt 1 triệu tấn, gấp đôi cùng kỳ.

Cổ phiếu chứng khoán cũng giảm ở hầu hết các mã cổ phiếu trừ VCI, VIX, MBS xanh nhẹ. Tuy nhiên hầu hết các cổ phiếu lớn chỉ giảm trung bình trong khoảng -1.5%. Nhóm cổ phiếu khu công nghiệp tỏ ra tích cực hơn với nhiều mã tăng tốt như SZC, PHR, TIX, SIP, ITA, LHG, KBC.

Nhóm ngân hàng phân hóa mạnh hôm nay với TPB tăng tốt nhất 1.5%, BID 1.3%, VIB 1.1%. Riêng nhóm giảm mạnh nhất có NVB -2%, EIB, OCB, STB giảm trung bình gần -1%. Tính chung cả tuần cổ phiếu ngân hàng gần như đi ngang nhưng vẫn có những cổ phiếu bức phá tốt như TPB tăng 10%, BID 6.2%, ACB, SSB gần 3%. Trong nhóm ngân hàng đang ghi nhận TPB tiếp tục phá đỉnh trong khi BID đang dần tạo xu thế tăng khá tốt trong nhóm ngân hàng.

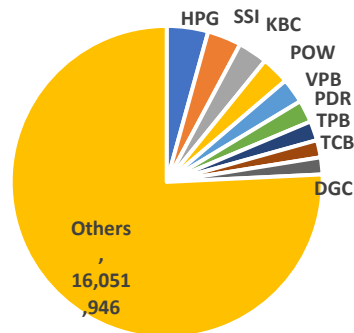
Khối ngoại phiên cuối tuần bán ròng 464 tỷ đồng trong đó riêng HPG bán ròng nhiều nhất 134 tỷ đồng, TCH 89 tỷ đồng và NVL 54 tỷ đồng. Phía mua ròng ghi nhận VRE 47 tỷ đồng, POW 28 tỷ và DPM 22 tỷ đồng.

Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VRE		47.12
POW		28.09
DPM		22.01
FRT		19.78
CTG		17.30
PHR		16.41
DXG		15.09
GEX	(30.85)	
VNM	(35.99)	
VCB	(48.44)	
NVL	(53.92)	
TCH	(88.93)	
HPG	(134.26)	

Vnindex 1,463.54

▼ -4.44 (-0.3%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
POW	16.3	800	5.18
HVN	23.6	700	3.06
BVH	58.8	1,000	1.73
TPB	52.0	800	1.56
BID	44.6	600	1.36
VIB	43.0	500	1.18
BCM	53.8	600	1.13
REE	68.1	600	0.89
VJC	124.5	1,000	0.81
VCB	100.0	800	0.81
VPB	35.8	200	0.56
GVR	37.5	150	0.40
ACB	33.4	100	0.30
MWG	134.1	100	0.07
PDR	98.7	(100)	(0.10)
SAB	152.3	(200)	(0.13)
HDB	30.7	(50)	(0.16)
MSN	153.7	(300)	(0.19)
VRE	30.4	(100)	(0.33)
TCB	50.2	(200)	(0.40)
CTG	33.6	(200)	(0.59)
MBB	28.4	(200)	(0.70)
VNM	86.3	(700)	(0.80)
VHM	80.9	(700)	(0.86)
STB	28.6	(250)	(0.87)
PNJ	97.3	(1,200)	(1.22)
FPT	95.8	(1,200)	(1.24)
HPG	46.5	(600)	(1.27)
PLX	53.3	(800)	(1.48)
SSI	53.0	(800)	(1.49)
DHG	124.5	(1,900)	(1.50)
NVL	113.0	(2,000)	(1.74)
GAS	96.6	(2,100)	(2.13)
VIC	103.1	(3,900)	(3.64)

So với mức đáy 1400 tạo ra vào đầu tuần thì chỉ số Vnindex đã hồi phục gần 70 điểm và cũng không còn cách quá xa so với đỉnh cũ 1500. Thanh khoản thấp tuần qua cũng là điều bình thường, do cung cầu không gặp nhau. Trong tuần giao dịch mới khả năng thanh khoản sẽ cải thiện dần khi nhà đầu tư gia tăng xoay vòng cổ phiếu mạnh hơn. Sẽ còn nhiều phiên dao động quanh vùng 1450 -1470 nhưng nếu thị trường điều chỉnh mạnh sẽ là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy cổ phiếu. Các cổ phiếu có thể thích hợp lướt sóng và nắm giữ ngắn hạn có thể lưu ý: CTG, OCB, STK, FRT, DCM, DPM, SSI, VCI, GVR.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCB	50.2	-	50	75	Mua thêm quanh 48-50	11/24/2021	-8.7%
DPM	50.5	5.6	44	60	Mua quanh 47-48. Mục tiêu 60	11/23/2021	7.4%
DCM	37.7	0.4	32	45	Mua quanh 35-36. Mục tiêu 45	11/23/2021	4.7%
HSG	34.5	(8.0)	35	50	Mua thêm quanh 35-36.	11/23/2021	-4.2%
PET	31.2	3.8	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	11.4%
LCG	23.2	10.2	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	65.7%
DPR	78.2	(1.9)	57	95	Mua vào quanh 76-78, nắm giữ	9/21/2021	16.7%
GVR	37.5	2.7	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	27.6%
HCM	43.8	(0.5)	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	28.8%
VCI	76.2	4.0	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	55.5%
SSI	53.0	5.0	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	60.6%
MBB	28.4	0.2	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-2.1%
OCB	27.1	(1.6)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 24-25	7/12/2021	17.8%
HPG	46.5	(2.5)	44	65	Nắm giữ, mua thêm quanh 45-47	7/12/2021	3.3%
DGW	129.0	4.4	120	150	Nắm giữ. Mục tiêu 150	3/3/2021	158.0%
REE	73.0	0.9	50	80	Chốt lãi	7/12/2021	43.1%
IDC	87.0	12.4	45	85	Chốt lãi	9/21/2021	74.0%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

VPD	5.14
POW	5.18
LDG	5.20
PHR	5.74
SZC	5.86
PC1	6.38
PTL	6.74
CTI	6.84
VGC	6.88
VIP	6.88
SHI	6.89
SKG	6.91
ELC	6.96
DIC	13.79

Top tăng giá HNX

DNM	2.50
KLF	2.86
PPP	2.87
CAG	2.87
VCG	2.93
CSC	3.01
PVX	3.13
BTS	3.31
DTD	3.31
LAS	3.38
PSW	3.40
NDN	3.52
KHB	4.00
DBC	4.06
BCC	4.14
DIH	4.29
SD9	4.69
DNP	5.13
ALV	5.19
V12	5.73
VC1	6.45
TNG	6.49
VNR	6.80
DPS	7.14
VMC	7.53

VCI - CTCP Chứng khoán Bản Việt – VCSC - Ngày 17/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 20/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/12/2021.

LDG - CTCP Đầu tư LDG – Đã thông qua phương án phát hành 4.000 trái phiếu riêng lẻ, mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu, tương đương tổng giá trị 400 tỷ đồng, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất 12 tháng đầu tiên 11,5%/năm.

DRC - CTCP Cao su Đà Nẵng - Ngày 17/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 20/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 14/1/2022.

YEG - Tập đoàn Yeah1 - Dự tính hạ tỷ lệ sở hữu của Yeah1 tại Edigital từ không thấp hơn 51% (theo Nghị quyết 2804/2021 ngày 28/4/2021) xuống thấp hơn 51% sau khi giao dịch chuyển nhượng phần vốn hoàn tất. 10/12/2021 sẽ là ngày Yeah1 gửi phiếu lấy ý kiến cho cổ đông và thời hạn nhận phiếu phản hồi trước 17 giờ ngày 21/12/2021.

BWE - CTCP Nước – Môi trường Bình Dương - Ngày 31/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 04/1/2022. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%, thanh toán bắt đầu từ ngày 21/4/2022.

MBG - CTCP Tập đoàn MBG – Đã thông qua phương án chào bán riêng lẻ 40 triệu cổ phiếu, với giá dự kiến 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện trong năm 2021-2022.

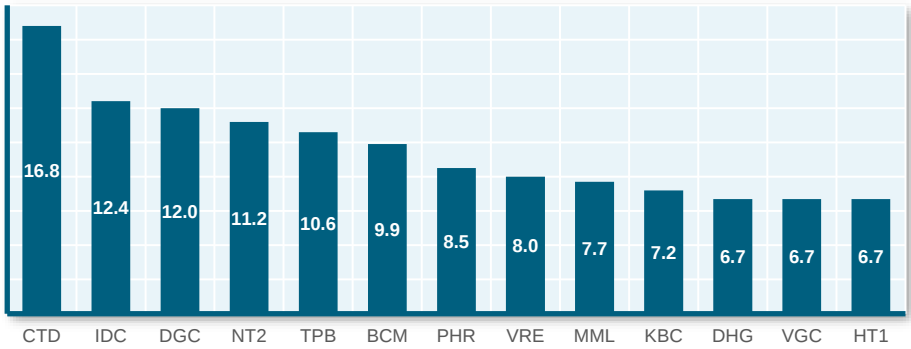
SDN - CTCP Sơn Đồng Nai - Ngày 21/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 22/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 8%, thanh toán bắt đầu từ ngày 07/1/2022.

BWE - CTCP Biwase - 11 tháng doanh thu 3.017 tỷ đồng, giảm 9% so với cùng kỳ, chủ yếu do công ty chưa ghi nhận khoảng 165,8 tỷ đồng từ lĩnh vực rác thải, nước thải do vốn ngân sách chưa giải ngân kịp. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế 11 tháng vẫn tăng 26% lên 621 tỷ đồng, vượt 13% kế hoạch cả năm.

CTR - CTCP Viettel Construction - Tháng 11/2021, lợi nhuận trước thuế ước tính 57,66 tỷ đồng, tăng 70,9% so với cùng kỳ năm 2020. Lũy kế 11 tháng năm 2021 đạt 405,5 tỷ đồng vượt 15,7% kế hoạch năm (350,6 tỷ).



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	35.8	15,276,400	7.1	1.5	-	-	159,148	17.94	5,056	24,447
VIB	HOSE	43.0	2,176,400	7.6	3.2	8,400	17,100	66,785	20.48	5,638	13,552
VCB	UPCOM	100.0	1,881,200	18.1	3.5	249,200	729,200	370,888	23.64	5,532	28,293
VBB	HNX	17.8	36,097	21.4	1.5	-	-	8,503	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.6	438,605	14.7	1.3	2,500	2,000	7,831	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	52.0	8,180,500	11.4	2.7	30,100	448,800	60,927	29.45	4,565	18,925
TCB	HOSE	50.2	7,507,300	10.9	2.1	150,000	150,000	176,248	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	28.6	9,892,400	14.9	1.7	133,200	582,200	53,917	17.42	1,922	16,846
SSB	HOSE	39.6	1,709,200	23.0	3.2	100	-	58,548	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	23.0	8,233,700	10.5	1.6	54,200	158,900	48,843	3.27	2,183	14,014
SGB	HNX	18.1	191,651		1.5	-	-	5,575	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	35.9	139,780	48.6	2.7	-	-	10,770	15.00	739	13,529
OCB	HNX	27.1	2,640,600	7.1	1.5	700	90,300	37,055	21.97	3,799	17,827
NVB	HOSE	28.2	245,002	137.6	2.6	-	-	11,472	8.33	205	10,726
NAB	HOSE	20.0	193,178	5.9	1.2	500	-	9,129	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	25.0	7,901,600	7.6	1.4	28,300	28,000	38,188	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.4	6,326,300	7.3	1.4	18,000	600	107,115	23.23	3,897	19,986
LPB	HOSE	21.4	5,191,800	8.3	1.5	600,400	244,200	25,697	3.96	2,591	14,466
KLB	HOSE	24.1	101,041	11.8	1.7	-	-	8,712	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	30.7	4,162,000	8.0	1.8	90,800	341,300	61,161	17.04	3,854	17,399
EIB	HOSE	26.8	320,200	30.7	1.9	2,000	17,300	32,949	29.63	874	14,061
CTG	HOSE	33.6	5,905,600	7.6	1.3	574,300	62,500	161,233	25.30	4,394	25,028
BVB	HOSE	22.8	2,101,686	19.7	1.8	-	10,000	8,370	0.07	1,157	12,737
BID	HOSE	44.6	2,064,600	17.8	2.1	57,400	16,600	179,382	16.70	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.7	29,915	23.9	1.9	-	-	17,096	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.4	4,730,500	7.2	2.2	280,907	280,907	90,245	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.1	1,212,060	7.5	1.3	-	-	12,055	30.00	2,801	16,671
			98,789,315	19.08	1.93	2,281,007	3,179,907	1,827,840		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	HMH	HNX	29/12/2021	30/12/2021	14/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	ECI	HNX	27/12/2021	28/12/2021	28/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	NVL	HOSE	24/12/2021	27/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:31	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
4	PHN	HNX	23/12/2021	24/12/2021	10/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CMD	UPCoM	23/12/2021	24/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	ACL	HOSE	23/12/2021	24/12/2021	5/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VCI	HOSE	17/12/2021	20/12/2021	29/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DRC	HOSE	17/12/2021	20/12/2021	14/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	NAV	HOSE	17/12/2021	20/12/2021	30/12/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	NAV	HOSE	17/12/2021	20/12/2021	30/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	BRR	UPCoM	17/12/2021	20/12/2021	1/4/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	GMX	HNX	17/12/2021	20/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	PAS	UPCoM	17/12/2021	20/12/2021	31/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	THI	HOSE	16/12/2021	17/12/2021	6/1/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	NTC	UPCoM	16/12/2021	17/12/2021	17/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 8,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	HPD	UPCoM	16/12/2021	17/12/2021	7/1/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VOC	UPCoM	16/12/2021	17/12/2021	28/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	DPR	HOSE	16/12/2021	17/12/2021	31/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	PHR	HOSE	16/12/2021	17/12/2021	15/06/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	SBD	UPCoM	15/12/2021	16/12/2021	28/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	MSN	HOSE	15/12/2021	16/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	VCF	HOSE	15/12/2021	16/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 25,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	GLT	HNX	15/12/2021	16/12/2021	29/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	TRC	HOSE	15/12/2021	16/12/2021	14/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	NUE	UPCoM	15/12/2021	16/12/2021	29/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 722 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	MML	UPCoM	15/12/2021	16/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 4,900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	SBM	UPCoM	14/12/2021	15/12/2021	31/03/2022	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	ILA	UPCoM	14/12/2021	15/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9	Trả cổ tức bằng cổ phiếu



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931